

Số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Ông Châu Khon Sóc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 399/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2022 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị L, sinh năm: 1981; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp L, xã CL, huyện TT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Châu Sóc P, sinh năm: 1980; cùng địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp AL, xã CL, huyện TT, tỉnh An Giang.

(*Tại phiên tòa bà L có mặt; ông P vắng mặt*)

VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/11/2022 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Châu Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà với ông P được hình thành là do tự tìm hiểu, cha mẹ đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2008. Hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2008 tại UBND xã CL, theo giấy số 58. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P không chung thủy với bà mà có mối quan hệ và chung sống với người phụ nữ khác, khi có mâu thuẫn xảy ra ông P còn có hành vi bạo lực với bà và hai người ly thân nhau từ tháng 7/2020 đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông P.

Về quan hệ con chung: Bà với ông P có 02 con chung tên: 1/ Châu Thị Lo, sinh ngày 17/01/2009; 2/ Châu Kim Li, sinh ngày 28/7/2016 hiện do bà nuôi. Khi ly hôn, bà

yêu cầu được tiết tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông P không có nợ chung.

Bị đơn ông Chau Sóc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà L được hình thành đúng như bà L trình bày, và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do lỗi của ông, bởi cách đây hơn 01 năm khi ông làm công nhận ở huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh thì ông có quen với một người phụ nữ khác và cả 2 có tình cảm chung sống với nhau, nhưng sau đó ông chấm dứt liên lạc với người phụ nữ này và nay mong vợ tha thứ để đoàn tụ chung sống lại cùng nuôi con, nhưng bà không đồng ý. Ông xét thấy lỗi ở ông, nhưng ông vẫn còn thương bà L, nên ông không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Đúng là ông với bà L có 02 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như bà L trình bày, nhưng nếu như Tòa án quyết định cho ly hôn thì ông giao con cho bà L chăm sóc nuôi dưỡng, ông xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với trình bày của bà L.

Tại phiên tòa, bà Lan bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà L – ông P có đăng ký kết hôn, nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông P thừa nhận bỏ bà Lan và quen biết chung sống với người, nên bà L xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung, ông P đồng ý giao 02 con chung cho bà L nuôi theo ý nguyện của cháu là phù hợp, đề nghị HĐXX công nhận thỏa thuận. Riêng tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung hai bên khai không có thì không xem xét giải quyết. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà L khởi kiện ly hôn, nuôi con với ông P, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông P có địa chỉ cư trú tại xã CL, huyện TT, tỉnh An Giang, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết đúng thẩm quyền.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông P kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2008 tại UBND xã CL, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58, theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà L bảo lưu ý kiến của mình. Thể hiện, do ông P không chung thủy có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi xảy ra mâu thuẫn còn có hành vi bạo lực bà L...trình bày của bà L đã được ông P thừa nhận là do ông bỏ bà L để chung sống với người phụ nữ khác. Riêng đối với hành vi bạo lực bà L tuy ông P không thừa nhận, nhưng qua xác minh thu thập chứng cứ vào ngày 11/4/2023 của Tòa án, thể hiện như sau: Trong thời gian bà L – ông P đi làm ăn thì P thường xuyên ăn nhậu và mỗi lần say xỉn là ông đánh bà L, việc này thường xảy ra nên bà L trở về quê sinh sống, sau đó thì ông P cũng về quê với bà L, nhưng với tính nết tật nết ăn nhậu say xỉn, bỏ bê vợ con và ly thân...nên nay khả năng hàn gắn là không thể...

Với những chứng cứ thu thập đối chiếu với trình bày hai bên tại tòa, xét mâu thuẫn giữa bà L – ông P đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, hai con chung Châu Thị Lo và Châu Kim Li, từ trước nay do bà L nuôi dưỡng, tình cảm giữa hai cháu Lo, Li với bà L đã thật sự gắn bó, ý nguyện của cháu Lo là sau khi cha mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, để không xáo trộn về tâm sinh lý của hai cháu cũng như tạo điều kiện cho hai cháu phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao cháu Lo, Li cho bà L tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho bà L biết: Trong thời gian nuôi con, bà L cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà L không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung*: Bà L – ông P tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX ghi nhận.

[5] *Về quan hệ nợ chung*: Bà L – ông P khai không có nợ chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

[6] *Về án phí*: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Chau Kim L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Chau Kim L được ly hôn với ông Chau Sóc P.

Về quan hệ con chung: Bà L được tiếp tục nuôi con chung tên Chau Thị Lo, sinh ngày 17/01/2009; Chau Kim Li, sinh ngày 28/7/2016.

Công nhận tự nguyện của bà Chau Kim L không yêu cầu ông Chau Sóc P cấp dưỡng nuôi con.

Bà L cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà L – ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà L – ông P khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà Chau Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009776 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (bà L nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/5/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã Châu Lãng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ